

# Bạo Hành Trong Nhà / Gia Đình và Luật Di Trú Úc



Tập Hướng Dẫn Luật Pháp

Bản thảo tập sách này do Suhad Kamand, Giám Đốc kiêm Luật Sư Trưởng Trung Tâm Hướng Dẫn và Quyền Hạn về Di Trú, đồng thời là Biên Tập Viên/Đồng Tác Giả tập sách viết bằng tiếng Anh dễ hiểu về luật di trú, người tỵ nạn và quyền công dân của Úc mang tựa đề *The Immigration Kit, 8<sup>th</sup> Edition* (Tập Tài Liệu Di Trú, In Lần Thứ 8) thực hiện.

Nhờ sự trợ giúp và ngân khoản tài trợ của Office For Women's Policy (Văn Phòng Đặc Trách Chính Sách Dành Cho Phụ Nữ), Bộ Thủ Hiến NSW và Nội Các nên tập sách này mới được dịch sang tất cả ngôn ngữ khác tiếng Anh.

Hình bìa do Greg Gaul thực hiện

## QUAN TRỌNG!

Thông tin trong tập sách này là những thông tin hiện được phổ biến vào ngày 12 tháng Giêng năm 2009 và có tính cách hướng dẫn về cách đối phó với những rắc rối trong luật di trú đối với vấn đề bạo hành trong nhà/ gia đình. Người đọc chỉ nên dùng tập sách này làm tài liệu tham khảo thôi và không nên thay thế cho những hướng dẫn chuyên môn của đại diện di trú hợp lệ có năng lực. Nhiều người đọc có thể thấy trong tập sách này có những chỗ khó hiểu. Nếu rơi vào trường hợp này và quý vị là cư dân tiểu bang New South Wales, chúng tôi khuyên quý vị hãy liên lạc với Immigration Advice and Rights Centre Inc. (Trung Tâm Cố Vấn và Quyền Hạn về Di Trú) qua số (02) 9279 4300 nếu muốn có người làm cố vấn/ giúp đỡ thêm. Người đọc ngụ tại tiểu bang khác mà muốn được giúp đỡ về vấn đề di trú thì nên liên lạc với ủy hội trợ giúp pháp luật địa phương mình, hoặc National Association of Community Legal Centres (Hiệp Hội Toàn Quốc Các Trung Tâm Luật Pháp Cộng Đồng) qua số (02) 9264 9595 để được biết chi tiết của trung tâm luật pháp cộng đồng gần nhà nhất.



### Immigration Advice and Rights Centre Inc.

ABN: 45 808 320 822  
Community Legal Centre, established in 1986

Level 5, 362 Kent Street Sydney NSW 2000  
Ph: +61 2 9279 4300 (Admin Line, 9-5pm)  
+61 2 9262 3833 (Advice Line, Tues &  
Thurs 2-4pm)  
Fax: +61 2 9299 8467  
Email: [iarc@iarc.asn.au](mailto:iarc@iarc.asn.au)  
Web: [www.iarc.asn.au](http://www.iarc.asn.au)

# Mục Lục

1. Điều khoản DV/FV trong Luật Di Trú Úc là gì? .....	3
2. Điều khoản DV/FV áp dụng với loại thị thực (visa) nào?.....	4
3. Bối Cảnh điều khoản DV/FV áp dụng .....	4
3.1 Các giai đoạn của tiến trình cứu xét Thị thực (visa) diện Người phối ngẫu.....	5
3.2 Áp dụng điều khoản DV/FV .....	7
4. Mối Quan Hệ Chân Thật.....	9
5. Ai có thể là ‘nạn nhân trong cuộc’? .....	9
6. Ai có thể là ‘ngghi phạm’?.....	9
7. Nếu đương đơn vẫn còn sống chung với người bảo lãnh/ nghi phạm .....	9
8. Nghĩa vụ của đương đơn khi mối quan hệ chấm dứt.....	10
9. Xác minh vấn đề DV/FV - Điều khoản giả định .....	10
9.1 Bằng Chứng Tư Pháp .....	10
9.2 Bằng Chứng Không Có Tính Cách Tư Pháp .....	11
9.3 ‘Bạo Hành Trong Nhà Liên Hệ’/ ‘Bạo Hành Trong Gia Đình Liên Hệ’ .....	11
9.4 Ai là ‘người đáng tin đáng trọng’?.....	12
9.5 Tờ khai danh dự nên có những chi tiết gì .....	13
9.6 Mẫu đơn tờ khai danh dự (Form 1040) .....	14
9.7 Chứng từ của cảnh sát về vụ hành hung .....	14
10. Nếu DV/ FV là sự thật.....	14
11. Nếu DV/ FV không là sự thật.....	14
12. Cuộc thẩm định độc lập vấn đề ‘DV/FV Liên Hệ’ .....	15
13. Những nơi để nhờ giúp đỡ .....	15
13.1 Sự an toàn/ Nhà trú ẩn/ Trợ giúp về ngôn ngữ .....	16
13.2 Trợ giúp miễn phí về luật di trú đối với vấn đề DV/FV .....	16
13.3 Trợ giúp luật pháp tổng quát .....	17
13.4 Đường Dây Điện Thoại Trợ Giúp Toàn Quốc .....	17
13.5 Các Cơ Quan Chính Phủ .....	18

# Bạo Hành Trong Nhà / Gia Đình (DV/FV<sup>1</sup>) và Luật Di Trú Úc

## Số Liệu Thống Kê/Số Liệu Chính

Trong Báo Cáo Thường Niên Năm 2007-8 của Bộ Di Trú và Quyền Công Dân ('Bộ Di Trú'), số liệu thống kê liên quan đến những đơn khai DV/FV trong năm đó cho thấy:

- Có 502 đơn khai DV/FV đã nộp trên toàn quốc (trong phạm vi di trú).
- Vào ngày 30 tháng Sáu năm 2008, DIAC đã chuyển 74 trường hợp cho Centrelink (để các đơn khai DV/FV được thẩm định độc lập), chiếm tỉ lệ dưới 15 phần trăm tổng số đơn khai DV/FV đã nộp.
- Trong số 61 trường hợp Centrelink giải quyết cho đến ngày 30 tháng Sáu năm 2008, có 40 trường hợp được xác định là có xảy ra vấn đề DV/FV và 21 trường hợp thì không.
- Trong 49 trường hợp khác do Migration Review Tribunal (Tòa Tái Duyệt Di Trú) chuyển cho Centrelink, có 19 trường hợp được xác định là có xảy ra vấn đề DV/FV và 26 trường hợp thì không.
- Ở cấp Bộ, trong bất kỳ năm tài chính nào, có khoảng 65% đơn khai DV/FV được cấp thị thực (visa) thường trực (tùy thuộc đương đơn có đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn pháp định khác có liên quan đến diện thị thực (visa) của họ).

Trong bối cảnh của chương trình di trú của Úc nói chung, số lượng đơn khai DV/FV đã nộp cực kỳ ít. Dù con số này có thể được xem một cách lạc quan là bằng chứng cho thấy điều khoản này ít bị lạm dụng, nhưng nó cũng làm cho chúng ta cảm thấy quan ngại là những người dễ bị thiệt thòi nhất trong chương trình di trú của Úc có thể không biết sự hiện hữu của điều khoản DV/FV. Mục đích của tập sách này là quảng bá điều khoản DV/FV trong luật di trú và trình bày một số hướng dẫn về việc điều khoản này được áp dụng như thế nào.

## 1. Điều khoản DV/FV trong Luật Di Trú Úc là gì?

Điều khoản DV/FV thuộc Mục 1.5 (quy định 1.21 -1.27) trong *Migration Regulations* (Những Quy Định Di Trú) chủ yếu là những điều khoản giả định (xin xem Chương 9) dùng để xác định xem, theo Luật di trú Úc, vấn đề DV/FV có đã xảy ra hay không. Nếu vấn đề này đã xảy ra và đơn xin thị thực (visa)/ thị thực (visa) hiện có là loại thị thực (visa) mà điều khoản DV/FV được áp dụng (xin xem Chương 2 và 3), đương đơn/ người có thị thực (visa) có thể xin thường trú dù mối quan hệ được xét lúc đầu để cấp thị thực (visa) đã chấm dứt.

Mục đích của điều khoản DV/FV là tạo điều kiện cho nạn nhân FV/DV xin được thường trú khi họ cũng có tên trong đơn xin thị thực (visa) chính thức để họ không phải trông cậy vào người bạn đời hung bạo hoặc không dám thoát ly mối quan hệ ngược đãi để được thường trú.

Việc vấn đề DV/FV được xác định đã xảy ra theo *Migration Regulations* (Những Quy Định Di Trú) không dẫn tới mà cũng không nhất thiết phải có án quyết hình sự hoặc kết án đối với nghi phạm.

<sup>1</sup> Đối với đơn xin *visa* (thị thực) nộp vào ngày 15 tháng Mười năm 2007 trở về sau, thuật ngữ và định nghĩa mới hơn của cụm từ 'Bạo Hành Trong Gia Đình' sẽ được sử dụng. Đối với đơn xin *visa* (thị thực) nộp trước ngày 15 tháng Mười năm 2007, thuật ngữ và định nghĩa cũ hơn của cụm từ 'bạo hành trong nhà' sẽ được sử dụng. Những khái niệm này được thảo luận kỹ hơn trong phần 9.3.

## 2. Điều khoản DV/FV áp dụng với loại thị thực (visa) nào?

Hiện nay, điều khoản DV/FV chỉ áp dụng với những loại thị thực (visa) sau đây:

<b>Số Thị thực (visa) ('sc')</b>	<b>Tên Loại Thị thực (visa)</b>
100	Người Phối Ngẫu (thường trực - nước ngoài)
110	Đồng tính (thường trực - nước ngoài- nói chung là mối quan hệ đồng phái tính)
445	Con Còn Phụ Thuộc
801	Người Phối Ngẫu (thường trực - tại Úc)
814	Đồng tính (thường trực - tại Úc - nói chung là mối quan hệ đồng phái tính)
820	Người Phối Ngẫu (tạm thời - tại Úc)
826	Đồng tính (tạm thời tại Úc - nói chung là mối quan hệ đồng phái tính)
845	Doanh Nghiệp Hiện Hữu tại Úc
846	Doanh Nghiệp Hiện Hữu Tỉnh Lỵ tại Úc được Tiểu Bang/Lãnh Địa Bảo Lãnh
855	Thỏa Thuận Lao Động
856	Chương Trình Hằng Sở Chỉ Định
857	Chương Trình Di Trú Tỉnh Lỵ Bảo Lãnh
858	Tài Năng Xuất Chúng

Cách thức áp dụng điều khoản DV/FV đối với mỗi loại thị thực (visa) có hơi khác nhau. Tập sách này chủ yếu chỉ chú trọng đến cách thức điều khoản DV/FV được áp dụng trong bối cảnh thị thực (visa) diện người phối ngẫu mà thôi – đây là loại thị thực (visa) phổ biến nhất mà các đơn khai DV/FV đã nộp theo Luật di trú Úc.

## 3. Bối Cảnh điều khoản DV/FV áp dụng

Theo luật di trú Úc, thị thực (visa) diện người phối ngẫu nói chung được cấp theo 2 hay 3 giai đoạn (xin xem phần 3.1 dưới đây). Nói chung, cấp thị thực (visa) thường trực là giai đoạn cuối của tiến trình cứu xét thị thực (visa). Nếu mối quan hệ được dùng để đáp ứng những điều kiện cấp thị thực (visa) chấm dứt trước khi được cấp thị thực (visa) thường trực, thông thường, đương đơn chỉ được cấp thị thực (visa) thường trực nếu thuộc điều (a) (b) hoặc (c) dưới đây. Xin lưu ý trong trường hợp vấn đề FV/DV có xảy ra nhưng cũng đáp ứng được điều (b) hoặc (c), thì việc chứng minh điều (b) hoặc (c) sẽ dễ hơn là tìm cách trông cậy vào điều khoản DV/FV. Quý vị chỉ cần xác minh một trong ba điều (a), (b) hoặc (c) đã xảy ra là được.

### (a) Mối quan hệ chấm dứt và có vấn đề DV hoặc FV.

**HAY**

### (b) Mối quan hệ chấm dứt và người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh qua đời - Để được cấp thị thực (visa) thường trực theo lý do người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh qua đời, người đưa ra quyết định phải yên trí là mối quan hệ giữa đương đơn và người phối ngẫu sẽ vẫn kéo dài nếu người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh còn sống. Nếu có chứng cứ mối quan hệ đã đổ vỡ trước khi người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh qua đời, thì không đáp ứng được tiêu chuẩn này.

Bình thường, đương đơn cũng phải chứng tỏ mình đã có mối liên hệ mật thiết về

kinh doanh, văn hóa hay cá nhân ở Úc, có nghĩa là ‘có mối liên hệ mới hoặc mối liên hệ cũ được thắt chặt hơn’. Theo chính sách của Bộ, những mối liên hệ này là:

- **Mối liên hệ kinh doanh** có thể là hình thức sở hữu bất động sản hoặc có kinh doanh chung với đối tác người Úc. Yếu tố liên quan đến việc thẩm định mối liên hệ có phải là ‘mật thiết’ hay không là liệu quyết định bác đơn có thể có ảnh hưởng như thế nào đến mối liên hệ kinh doanh.
- **Mối liên hệ văn hóa** bao gồm nhưng không giới hạn trong lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc và văn chương, và tính chất cùng phạm vi của sự tham gia của đương đơn trong những hoạt động văn hóa này.
- **Mối liên hệ cá nhân** liên quan đến họ hàng thân thuộc, bạn bè và tính chất cùng phạm vi của mạng lưới xã hội ở Úc của đương đơn.

## HAY

**(c) Mối quan hệ chấm dứt và có con cái** - Nếu mối quan hệ chấm dứt trước khi được phép thường trú và có con cái, người có thị thực (visa)/đương đơn vẫn có thể hội đủ điều kiện để được cấp thị thực (visa) thường trực. Những loại bằng chứng dưới đây phải được cung cấp cho Bộ Di Trú về việc sắp xếp liên quan đến con cái:

- tờ khai danh dự của cha và mẹ, ghi là họ đã có thỏa thuận không chính thức và ghi tính chất của thỏa thuận này đối với trách nhiệm làm cha mẹ; và/hay
- án lệnh ưng thuận chính thức xác nhận thỏa thuận giữa cha mẹ,
  - có cùng giá trị pháp lý giống như án lệnh của quan tòa; hay
  - án lệnh nuôi con được ban hành theo phần 64B(1) trong *Family Law Act 1975* (Đạo Luật Gia Đình Năm 1975).

Tuy nhiên xin lưu ý chính sách về con cái nêu trên có thể có tính cách quá gò bó như trong trường hợp của *Srouf v MIMA* [2006] FCA 1228 tại Tòa Án Liên Bang, đại khái xác định rằng cha/mẹ có những trách nhiệm nuôi con liên hệ đối với một đứa trẻ theo luật định trừ phi có thể xác minh những trách nhiệm này đã được xóa bỏ, ví dụ như bằng một án lệnh của tòa án.

## 3.1 Các giai đoạn của tiến trình cứu xét thị thực (visa) diện Người phối ngẫu

Việc cứu xét Visa diện Người phối ngẫu nói chung xảy ra theo 2 hoặc 3 giai đoạn (có nghĩa là phải qua 2 hoặc 3 giai đoạn để xin được thường trú). Trong một số ít trường hợp, đương đơn có thể được cấp thị thực (visa) thường trực qua một giai đoạn<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Những trường hợp có thể được cấp visa (thị thực) thường trực qua một giai đoạn, có nghĩa là, đương đơn không cần phải có visa (thị thực) tạm thời diện người phối ngẫu trong 2 năm, gồm có:

- Visa (thị thực) tạm thời đã được cấp vì đương đơn là người phối ngẫu của người có visa (thị thực) diện nhân đạo và người bảo lãnh đã khai báo mối quan hệ vợ chồng này với Bộ Di Trú trước khi được cấp visa (thị thực) diện nhân đạo. Trường hợp miễn trừ này chỉ được áp dụng với người nộp đơn xin visa (thị thực) loại 309/100 chứ không áp dụng với người nộp đơn xin visa (thị thực) loại 820/801.
- Mối quan hệ có tính cách dài lâu, có nghĩa là mối quan hệ vợ chồng của hai người đã kéo dài được ít nhất năm năm, hay hai năm nếu hai người có bất cứ đứa con còn phụ thuộc nào với nhau (không tính con ghê). Phải đáp ứng yêu cầu này vào lúc nộp đơn xin visa (thị thực).

## Tiến Trình Cứu Xét 3 Giai Đoạn

<b>Thị thực (visa) diện hôn Phu/Hôn Thê sc 300</b>	<b>➔</b>	<b>Thị thực (visa) tạm thời diện Người Phối Ngẫu sc 820</b>	<b>➔</b>	<b>Thị thực (visa) thường trực diện Người Phối Ngẫu sc 801</b>
--	----------	---	----------	--

\* Lưu ý: 'sc' = Subclass (loại)

Tiến trình 3 giai đoạn:

1. Nói chung, thị thực (visa) diện vị hôn phu/hôn thê có thời hạn 9 tháng. Trong 9 tháng này, người có thị thực (visa) phải đến Úc và lập gia đình với người bảo lãnh.
2. Sau khi lấy nhau, người có thị thực (visa) diện vị hôn phu/hôn thê nộp đơn xin diện người phối ngẫu tại Úc (loại 820/801). Đơn này xin cho cả thị thực (visa) thường trực và tạm thời diện người phối ngẫu. Nếu đơn được chấp thuận, nói chung đương đơn sẽ được cấp thị thực (visa) tạm thời diện người phối ngẫu có giá trị trong hai năm. Nếu mỗi quan hệ chấm dứt trước khi được cấp (hay nộp đơn xin) thị thực (visa) tạm thời, thị thực (visa) này chỉ có thể được cấp nếu đương đơn thuộc một trong những trường hợp miễn trừ được liệt kê trong Chương 3 ở trên (có nghĩa là người bảo lãnh qua đời, có con hoặc xảy ra vấn đề DV/FV).
3. Sau khi đã có thị thực (visa) tạm thời diện người phối ngẫu được khoảng hai năm, Bộ Di Trú sẽ thẩm định lại mối quan hệ mà nhờ đó đã được cấp thị thực (visa) và nếu mối quan hệ này vẫn còn tiếp diễn, nói chung, đương sự sẽ được cấp thị thực (visa) thường trực diện người phối ngẫu (tùy thuộc có đáp ứng điều kiện về sức khỏe, hạnh kiểm và Những Tiêu Chuẩn Về Quyền Lợi Công Chúng khác hay không). Nếu mỗi quan hệ chấm dứt, đương sự chỉ có thể được cấp thị thực (visa) thường trực nếu thuộc một trong những trường hợp miễn trừ được liệt kê trong Chương 3 ở trên (có nghĩa là người bảo lãnh qua đời, có con hoặc xảy ra vấn đề DV/FV).

## Tiến Trình Cứu Xét 2 Giai Đoạn

<b>Thị thực (visa) tạm thời diện Người Phối Ngẫu</b>	<b>➔</b>	<b>Thị thực (visa) thường trực diện Người Phối Ngẫu</b>
<b>(người phối ngẫu - ở Úc)</b>		
<b>sc 820</b>	<b>➔</b>	<b>sc801</b>
<b>(người phối ngẫu - ở nước ngoài)</b>		
<b>sc309</b>	<b>➔</b>	<b>sc100</b>
<b>(đồng tính - ở Úc)</b>		
<b>sc826</b>	<b>➔</b>	<b>sc814</b>
<b>(đồng tính - ở nước ngoài)</b>		
<b>sc310</b>	<b>➔</b>	<b>sc110</b>



Tiến trình 2 giai đoạn:

1. Người nộp đơn xin thị thực (visa) tại Úc hay ở nước ngoài cũng đều có thể nộp đơn xin diện người phối ngẫu. Đơn này xin cho cả thị thực (visa) thường trực và tạm thời diện người phối ngẫu. Nếu đơn được chấp thuận, nói chung đương đơn sẽ được cấp thị thực (visa) tạm thời diện người phối ngẫu có giá trị trong hai năm. Nếu mối quan hệ chấm dứt sau khi nộp đơn nhưng trước khi được cấp thị thực (visa) và đơn xin nộp ở Úc, đương sự chỉ có thể được cấp thị thực (visa) nếu thuộc một trong những trường hợp miễn trừ được liệt kê trong Chương 3 ở trên (có nghĩa là người bảo lãnh qua đời, có con hoặc xảy ra vấn đề DV/FV), trong trường hợp này sẽ được cấp thị thực (visa) thường trực.
2. Sau khi có thị thực (visa) tạm thời diện người phối ngẫu được khoảng hai năm, Bộ Di Trú sẽ thẩm định lại mối quan hệ và nếu mối quan hệ này vẫn còn tiếp diễn, đương sự chắc sẽ được cấp thị thực (visa) thường trực diện người phối ngẫu (tùy thuộc có đáp ứng điều kiện về sức khỏe, hạnh kiểm và Những Tiêu Chuẩn Về Quyền Lợi Công Chúng khác hay không). Nếu mối quan hệ chấm dứt trước khi được cấp thị thực (visa) thường trực, đương đơn chỉ có thể được cấp thị thực (visa) này nếu thuộc một trong những trường hợp miễn trừ được liệt kê trong Chương 3 ở trên (có nghĩa là người bảo lãnh qua đời, có con hoặc xảy ra vấn đề DV/FV).

### 3.2 Áp dụng điều khoản DV/FV

Cách thức áp dụng điều khoản DV/FV hơi khác đối với các loại thị thực (visa) thuộc diện này. Điều quan trọng cần để ý đối với tất cả các trường hợp là mối quan hệ vợ chồng /vợ chồng không chính thức/đồng tính (tùy trường hợp) phải là mối quan hệ chân thật ở một thời điểm nào đó trong tiến trình nộp đơn xin thị thực (visa) thì điều khoản DV/FV mới được áp dụng. Bảng dưới đây tóm tắt cách thức điều khoản DV/FV được áp dụng đối với các loại thị thực (visa) thuộc diện này.

	<b>Loại Thị thực (visa) (sc)</b>	<b>Thời điểm điều khoản DV/FV được thẩm định</b>	<b>Điều khoản DV/FV áp dụng với ai</b>	<b> Ai là người đã phải bị lâm vào cảnh DV/FV</b>
1	820 Người phối ngẫu	Lúc nộp đơn xin thị thực (visa)	Người nộp đơn xin thị thực (visa) loại sc820 hiện đang có hoặc đã có thị thực (visa) sc300 và đã lập gia đình với người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh. Nếu đơn được chấp thuận, đương đơn sẽ được cấp thị thực (visa) thường trực loại sc801.	<ul style="list-style-type: none"><li>• đương đơn; và/hay</li><li>• thành viên trong gia đình của đương đơn đã làm đơn chung với đương đơn; và/hay</li><li>• con còn phụ thuộc của người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh hoặc của đương đơn hoặc của cả hai người;</li></ul> phải bị lâm vào cảnh bạo hành trong gia đình mà thủ phạm là người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh. <b>(cl 820.211 (8) &amp; (9) (d) trong Mig Regs) (Những Quy Định Di Trú)</b>
2	820 Người phối ngẫu (ở Úc - tạm thời)	Lúc đưa ra quyết định về thị thực (visa)	Tất cả người nộp đơn xin thị thực (visa) loại sc820/801 nằm ngoài diện 1 trong bảng này. Nếu đơn được chấp thuận, đương đơn sẽ được cấp thị thực (visa) thường trực diện người phối ngẫu loại sc801.	<ul style="list-style-type: none"><li>• đương đơn; và/hay</li><li>• con còn phụ thuộc của người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh hoặc của đương đơn hoặc của cả hai người,</li></ul> phải bị lâm vào cảnh bạo hành trong gia đình mà thủ phạm là người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh. <b>(cl 820.221(3)(b)(i))</b>



3	801 Người phối ngẫu (ở Úc - thường trực)	Lúc đưa ra quyết định về thị thực (visa)	Tất cả người nộp đơn xin thị thực (visa) loại sc801. Đương đơn phải có thị thực (visa) tạm thời diện người phối ngẫu loại sc820.	<ul style="list-style-type: none"> <li>đương đơn; và/hay</li> <li>con còn phụ thuộc của người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh hoặc của đương đơn hoặc của cả hai người,</li> </ul> phải bị lâm vào cảnh bạo hành trong gia đình mà thủ phạm là người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh. <b>(cl 801.221(6)(c)(i))</b>
4	100 Người phối ngẫu (nước ngoài - thường trực)	Lúc đưa ra quyết định về thị thực (visa)	Tất cả người nộp đơn xin thị thực (visa) loại sc100, tuy nhiên, vấn đề DV/FV phải xảy ra sau khi đương đơn đến Úc lần đầu tiên theo diện thị thực (visa) sc309. Nói chung, họ phải tiếp tục có thị thực (visa) này vào lúc đơn xin được thẩm định theo điều khoản DV/FV.	<ul style="list-style-type: none"> <li>đương đơn; và/hay</li> <li>thành viên trong gia đình của người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh hoặc của đương đơn hoặc của cả hai người;</li> </ul> phải bị lâm vào cảnh bạo hành trong gia đình mà thủ phạm là người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh. <b>(cl 100.221(4)(c)(i))</b>
5	826 Đồng tính (ở Úc - tạm thời)	Lúc đưa ra quyết định về thị thực (visa)	Tất cả người nộp đơn xin thị thực (visa) loại sc826. Nếu đơn được chấp thuận, đương đơn sẽ được cấp thị thực (visa) thường trực.	<ul style="list-style-type: none"> <li>đương đơn; và/hay</li> <li>con còn phụ thuộc của người bảo lãnh hoặc của đương đơn;</li> </ul> bị lâm vào cảnh bạo hành trong gia đình mà thủ phạm là người đứng ra bảo lãnh. <b>(cl 826.221(4)(b))</b>
6	814 Đồng tính (ở Úc - thường trực)	Lúc đưa ra quyết định về thị thực (visa)	Người nộp đơn xin thị thực (visa) loại sc814 đã có thị thực (visa) tạm thời diện đồng tính loại sc826.	<ul style="list-style-type: none"> <li>đương đơn; và/hay</li> <li>con còn phụ thuộc của người bảo lãnh hoặc của đương đơn</li> </ul> phải bị lâm vào cảnh bạo hành trong gia đình mà thủ phạm là người đứng ra bảo lãnh. <b>(cl 814.221 (8)(c))</b>
7	110 Đồng tính (nước ngoài - thường trực)	Lúc đưa ra quyết định về thị thực (visa)	Tất cả người nộp đơn xin thị thực (visa) loại sc110, tuy nhiên, vấn đề DV/FV phải xảy ra sau khi đương đơn đến Úc lần đầu tiên theo diện thị thực (visa) sc310. Nói chung, họ phải tiếp tục có thị thực (visa) này vào lúc đơn xin đang được thẩm định theo điều khoản bạo hành trong gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>đương đơn; và/hay</li> <li>thành viên trong gia đình của người bảo lãnh hoặc của đương đơn</li> </ul> phải bị lâm vào cảnh bạo hành trong gia đình mà thủ phạm là người đứng ra bảo lãnh. <b>(cl 110.221(4)(c))</b>
8	445 Con còn phụ thuộc	Lúc đưa ra quyết định về thị thực (visa)	Người nộp đơn xin thị thực (visa) loại sc 445 có thể trông cậy vào điều khoản DV/FV nếu mối quan hệ giữa cha/mẹ có thị thực (visa) này và cha/mẹ trong cương vị người bảo lãnh đã chấm dứt và cha/mẹ có thị thực (visa) đã xin được cứu xét cấp thị thực (visa) loại sc100, 110, 814 hoặc 801 theo điều khoản DV/FV.	
9	845 / 846/ 855/ 856/ 857/ 858	Lúc đưa ra quyết định về thị thực (visa)	Đương đơn phụ trong đơn xin thị thực (visa) có thể trông cậy vào điều khoản DV/FV nếu <ul style="list-style-type: none"> <li>người này là người phối ngẫu của đương đơn chính; và</li> <li>mối quan hệ giữa người này và đương đơn chính đã chấm dứt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>đương đơn phụ trong đơn xin thị thực (visa); và/hay</li> <li>thành viên trong gia đình của đương đơn phụ trong đơn xin thị thực (visa), đã làm đơn chung với đương đơn chính; và/hay</li> <li>con còn phụ thuộc của đương đơn hoặc đương đơn chính</li> </ul> phải bị lâm vào cảnh bạo hành trong

				gia đình mà thủ phạm là đương đơn chính.
--	--	--	--	--

**Điểm quan trọng!** Trong diện 1-8 được liệt kê trong bảng ở trên, nghi phạm phải là người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh. Trong diện 9, nghi phạm phải là đương đơn chính.

## 4. Mối Quan Hệ Chân Thật

Đối với các đơn xin thị thực (visa) diện người phối ngẫu mà điều khoản DV/FV có liên quan, mối quan hệ vợ chồng /vợ chồng không chính thức/đồng tính (tùy trường hợp) phải là mối quan hệ chân thật ở một thời điểm nào đó trong tiến trình nộp đơn xin thị thực (visa) (thông thường là lúc nộp đơn) thì điều khoản DV/FV mới được áp dụng. Nếu xác định được là mối quan hệ giả trá vào thời điểm ấn định trong tiến trình xin cấp thị thực (visa), người đưa ra quyết định không bắt buộc phải cân nhắc vấn đề DV/FV có xảy ra hay không.

## 5. Ai có thể là ‘nạn nhân trong cuộc’?

‘Nạn nhân trong cuộc’ chỉ có thể là người thuộc một trong những diện sau đây (quy định 1.23(2)):

- người phối ngẫu của nghi phạm; hay
- con còn phụ thuộc của:
  - ⇒ nghi phạm; hoặc
  - ⇒ người phối ngẫu của nghi phạm; hoặc
  - ⇒ cả nghi phạm lẫn người phối ngẫu; hoặc
  - ⇒ người có mối quan hệ đồng tính với nghi phạm; hoặc
- thành viên trong gia đình của người phối ngẫu của nghi phạm.

Ngoài ra, mỗi loại thị thực (visa) ấn định ai phải ‘bị’ vấn đề DV/DV (xem bảng 3.2 ở trên).

## 6. Ai có thể là ‘nghi phạm’?

Trong những trường hợp của thị thực (visa) diện người phối ngẫu, kẻ gây ra vấn đề DV/FV phải ‘là người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh’ hoặc người bạn đời đồng tính đứng ra bảo lãnh. Do đó, người phối ngẫu/ người bạn đời đứng ra bảo lãnh phải là nghi phạm. Điều này có nghĩa là bất cứ bằng chứng nào được đưa ra để xác minh vấn đề DV/FV đều phải xác định người phối ngẫu/ người bạn đời đứng ra bảo lãnh là nghi phạm. Ví dụ như bằng chứng xác định anh/em của người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh là thủ phạm gây ra vấn đề bạo hành sẽ không đạt yêu cầu của điều khoản DV/FV.

Người đọc nên biết ‘nghi phạm’ không nhất thiết được định nghĩa đồng nhất đối với tất cả các loại thị thực (visa) mà điều khoản DV/FV áp dụng. Ví dụ như người khai bị DV/FV là đương đơn phụ trong đơn diện thị thực (visa) loại 856 trong Employer Nomination Scheme (Chương Trình Hạng Sở Chỉ Định), nghi phạm phải là đương đơn chính, chứ không phải là người bảo lãnh.

## 7. Nếu đương đơn vẫn còn sống chung với người bảo lãnh/ nghi phạm

Điều khoản DV/FV chỉ có hiệu lực khi mối quan hệ giữa đương đơn và người bạn đời đã chấm dứt. Nếu đương đơn và người bạn đời còn tiếp tục sống chung với nhau thì khó (nhưng không phải là vô phương) chứng minh rằng mối quan hệ đã chấm dứt.

## 8. Nghĩa vụ của đương đơn khi mối quan hệ chấm dứt

Theo s104 trong *Migration Act* (Đạo Luật Di Trú), người nộp đơn xin thị thực (visa) có nghĩa vụ thông báo cho Bộ Di Trú biết khi hoàn cảnh có sự thay đổi, kể cả khi mối quan hệ đã chấm dứt. Đương đơn cũng phải thông báo cho Bộ Di Trú biết nếu đổi địa chỉ từ 14 ngày trở lên (theo s52(3B) trong Đạo Luật).

Đương đơn bị lâm vào cảnh DV/FV nên thông báo cho Bộ Di Trú biết càng sớm càng tốt để tiến trình xét đơn có thể tạm ngưng cho đến khi có thể thu thập được bằng chứng về vấn đề DV/FV. Đương đơn nên viết thư báo cho Bộ Di Trú biết mối quan hệ đã đổ vỡ, đã xảy ra vấn đề DV/FV, và khi đổi địa chỉ.

Nếu đương đơn không liên lạc với Bộ Di Trú và Bộ Di Trú không biết là có vấn đề DV/FV xảy ra, họ có thể bác đơn xin thị thực (visa), từ đó sẽ có những rắc rối về luật pháp. Mặt khác, nếu người bảo lãnh lần đương đơn không thông báo cho Bộ Di Trú biết và được cấp thị thực (visa) trên căn bản mối quan hệ vẫn tiếp diễn, về sau thị thực (visa) này có thể bị hủy bỏ.

## 9. Xác minh vấn đề DV/FV – Điều khoản giả định

Theo quy định 1.23 trong *Migration Regulations* (Những Quy Định Di Trú), DV/FV ‘được giả định’ hoặc xem là đã xảy ra (có nghĩa ‘nạn nhân trong cuộc’ được xem là đã bị lâm vào cảnh DV/FV và ‘nghi phạm’ sẽ bị coi như đã gây ra DV/FV) nếu:

**(a) có bằng chứng tư pháp là vấn đề DV/FV đã xảy ra, có nghĩa là:**

- nạn nhân trong cuộc đã làm đơn và xin lệnh can thiệp của tòa án theo đoạn 114(1)(a), (b) hoặc (c) trong *Family Law Act 1975* (Luật Gia Đình Năm 1975) đối với nghi phạm; hoặc
- tòa án đã ban hành án lệnh theo luật Tiểu Bang hoặc Lãnh Địa đối với nghi phạm nhằm bảo vệ nạn nhân trong cuộc khỏi bị bạo hành và án lệnh này đã được ban hành sau khi tòa án đã cho nghi phạm có cơ hội trình bày vấn đề, hoặc bằng cách nộp bản đệ trình liên quan đến vụ việc cho tòa án; hoặc
- tòa kết án nghi phạm, hoặc ghi án quyết có tội đối với nghi phạm về tội bạo hành đối với nạn nhân trong cuộc;

hoặc

**(b) người đưa ra quyết định yên trí rằng bằng chứng không có tính cách tư pháp (xin xem mục 9.2) xác minh vấn đề ‘DV liên hệ’ hoặc ‘FV liên hệ’ (xin xem mục 9.3) đã xảy ra;**

hoặc

**(c) người đưa ra quyết định phải chấp nhận ý kiến của chuyên gia độc lập hợp lệ là đúng (hiện nay là Centrelink) – rằng nạn nhân trong cuộc đã bị lâm vào cảnh ‘DV liên hệ’ hoặc ‘FV liên hệ’ (xin xem mục 12 dưới đây).**

### 9.1 Bằng Chứng Tư Pháp

Vì bằng chứng tư pháp có thể được thu thập theo vô số luật lệ và thủ tục, nên không thể nào tóm tắt chính xác những thủ tục như vậy trong tập sách này. Thay vào đó, người đọc nên tìm thêm thông tin và nhờ người có chuyên môn thích hợp được liệt kê trong Chương 13 giúp đỡ

về điểm này, ví dụ như trung tâm luật pháp cộng đồng tổng quát hoặc Ủy Hội Trợ Giúp Pháp Luật.

## 9.2 Bằng Chứng Không Có Tính Cách Tư Pháp

Bằng chứng không có tính cách tư pháp có thể được nộp cho phái đoàn di trú theo hình thức A, B hoặc C dưới đây.

- (A) Tờ **cam kết chung** của ‘nạn nhân trong cuộc’ và ‘nghị phạm’ nộp cho tòa trong vụ xử có vấn đề bạo hành xảy ra. Chính sách của Bộ Di Trú ấn định rằng:

*Tờ cam kết chung không cần có ‘án quyết’ của thẩm phán hay chánh án về vấn đề bạo hành trong gia đình căn cứ vào bằng chứng đã được tranh biện. Tờ cam kết chỉ là thỏa thuận của đôi bên được tòa chấp thuận để thực hiện theo một hướng nào đó. Nhân viên có quyền giới thiệu người nộp tờ cam kết chung trong tình huống nêu trên đến một chuyên gia độc lập để được thẩm định... Đối với tờ cam kết chung... theo dự kiến trong đa số trường hợp tờ cam kết thảo đúng đắn được nộp, thì không có lý do gì để hồ nghi tính tiết của những chuyện được mô tả trong đó. Người đưa ra quyết định phải có lý do rõ ràng nếu họ hồ nghi văn kiện pháp lý mà trong đó nghị phạm thừa nhận rằng họ đã cư xử hung bạo đối với nạn nhân trong cuộc (tuy nhiên việc này có thể xảy ra trong đơn khai bạo hành trong gia đình giả trá, ví dụ như khi mà người bảo lãnh bị ép làm tờ cam kết hoặc đồng lõa trong đơn khai giả trá).*

hoặc

- (B) 1 tờ khai danh dự của người làm đơn xin thị thực (visa) cộng với 2 tờ khai danh dự của ‘người đáng tin đáng trọng’ (xin xem mục 9.4) chứng thực rằng vấn đề ‘DV liên hệ’ hoặc ‘FV liên hệ’ đã xảy ra;

hoặc

- (C) 1 tờ khai danh dự của người làm đơn xin thị thực (visa) cộng với 1 tờ khai danh dự của ‘người đáng tin đáng trọng’ cộng với 1 giấy của cảnh sát ghi nhận vụ hành hung mà ‘nghị phạm’ bị cáo buộc đã thực hiện đối với ‘nạn nhân trong cuộc’.

**Nên sử dụng mẫu đơn nào** - Dù không cần phải sử dụng mẫu đơn ấn định về mặt pháp lý nào, ngoài tờ khai danh dự của Liên Bang Úc, chúng ta nên sử dụng *Form 1040* của Bộ Di Trú khi làm tờ khai danh dự trong những vụ DV/FV, vì mẫu đơn này có những lời chỉ dẫn hữu ích nhằm bảo đảm người làm tờ khai danh dự khai đủ những điểm liên quan.

## 9.3 ‘Bạo Hành Trong Nhà Liên Hệ’/ ‘Bạo Hành Trong Gia Đình Liên Hệ’

Định nghĩa của cụm từ ‘bạo hành trong nhà liên hệ’ / ‘bạo hành trong gia đình liên hệ’ được trình bày trong quy định 1.23(2)(b) trong *Migration Regulations* và **chỉ có liên hệ trong đơn khai DV/FV với bằng chứng không có tính cách tư pháp mà thôi** (xin xem mục 9.2 ở trên).

(Lưu ý: Những đơn khai được xác định theo phương diện pháp lý trông cậy vào quyết định của tòa án đưa ra theo các đạo luật khác nhau, ví dụ như *Family Law Act 1975* (Đạo Luật Gia Đình Năm 1975), *NSW Crimes (Domestic and Personal Violence) Act* [Đạo Luật Tội Phạm NSW (Bạo Hành Trong Nhà và Cá Nhân)].)

Đối với tất cả đơn xin thị thực (visa) nộp từ ngày 15 tháng Mười năm 2007 trở về sau, định nghĩa được áp dụng là ‘FV liên hệ’. Đơn xin thị thực (visa) nộp trước ngày 15 tháng Mười năm 2007 vẫn tiếp tục được thẩm định theo định nghĩa ‘DV liên hệ’.

<b>Bạo Hành Trong Gia Đình Liên Hệ</b> (quy định 1.23(2) (b))	<b>Bạo Hành Trong Nhà Liên Hệ</b> (quy định 1.23(2) (b))
<p>khi nói đến bạo hành trong gia đình liên hệ là nói đến cách cư xử, dù thực tế hoặc hăm dọa, đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) nạn nhân trong cuộc; hay</li> <li>(ii) thành viên trong gia đình của nạn nhân trong cuộc; hay</li> <li>(iii) thành viên trong gia đình của nghi phạm; hay</li> <li>(iv) tài sản của nạn nhân trong cuộc; hay</li> <li>(v) tài sản của thành viên trong gia đình của nạn nhân trong cuộc; hay</li> <li>(vi) tài sản của thành viên trong gia đình của nghi phạm</li> </ul> <p>khiến cho nạn nhân trong cuộc cảm thấy sợ hãi một cách hợp lý *, hoặc cảm thấy âu lo một cách hợp lý cho sự an toàn hoặc phúc lợi của chính bản thân.</p>	<p>khi nói đến bạo hành trong nhà liên hệ là nói đến vấn đề bạo hành với nạn nhân trong cuộc hoặc tài sản của người này, khiến cho nạn nhân trong cuộc, hoặc thành viên trong gia đình của nạn nhân trong cuộc cảm thấy sợ hãi hoặc cảm thấy âu lo cho sự an toàn hoặc phúc lợi của bản thân nạn nhân trong cuộc.</p>

\* có nghĩa là nếu một người bình thường ở trong hoàn cảnh tương tự sẽ cảm thấy sợ hãi hoặc cảm thấy âu lo cho sự an toàn hoặc phúc lợi của chính họ.

Điểm khác biệt chính giữa định nghĩa mới (tức là FV liên hệ) và định nghĩa cũ (tức là DV liên hệ) gồm có:

- ai có thể là đối tượng của hành vi của nghi phạm
- ai sợ hãi hay cảm thấy âu lo vì hành vi của nghi phạm
- sợ hãi hoặc cảm thấy âu lo cho phúc lợi và sự an toàn cá nhân của ai
- yêu cầu mới là sự âu lo hoặc sợ hãi cho phúc lợi và sự an toàn cá nhân phải hợp lý; và
- từ ngữ “bạo hành” trên thực tế không được sử dụng trong định nghĩa của “bạo hành trong gia đình”.

Điểm quan trọng:

- quy định 1.21(1) xác định rõ ‘bạo hành’ bao gồm lời hăm dọa sẽ bạo hành;
- hành vi không cần phải nhằm trực tiếp vào ‘nạn nhân trong cuộc’, nhưng nó phải làm cho nạn nhân trong cuộc cảm thấy sợ hãi hay âu lo một cách hợp lý cho sự an toàn và phúc lợi của chính mình;
- ‘bạo hành’ không nhất thiết phải có dính dáng đến việc dùng vũ lực và có thể bao gồm cả trường hợp ngược đãi về tâm lý và tình cảm: *Sok v MIMIA [2005] FCAFC 56*.

## 9.4 Ai là ‘người đáng tin đáng trọng’?

‘Người đáng tin đáng trọng’ phải là người thuộc từ một trong những ngành nghề /diện sau đây trở lên:

- bác sĩ;
- chuyên gia tâm lý có đăng bạ;
- y tá có đăng bạ;
- nhân viên xã hội (là hội viên của Hiệp Hội Nhân Viên Xã Hội Úc Châu hoặc được công nhận có đủ điều kiện để trở thành hội viên);
- ‘nhân viên tham vấn gia đình’ theo *Family Law Act 1975*;
- nhân viên bảo vệ trẻ em (trong trường hợp bạo hành đối với trẻ em); hay
- giám đốc hoặc điều hợp viên nhà tạm ẩn náu của phụ nữ hoặc dịch vụ tư vấn hay giúp đỡ trong trường hợp khủng hoảng DV/FV. Người đáng tin đáng trọng cũng có thể là nhân viên thuộc một trong những dịch vụ này miễn sao:
  - ⇒ nhân viên này đảm trách nhiệm vụ đưa ra quyết định cho nhà tạm ẩn náu/ dịch vụ tư vấn hay giúp đỡ trong trường hợp khủng hoảng; và
  - ⇒ dịch vụ này có ‘cơ cấu đưa ra quyết định tập thể’; và
  - ⇒ chức vụ của nhân viên có trách nhiệm cho những vấn đề liên quan đến bạo hành DV/FV trong dịch vụ này.

**Điểm quan trọng!** Diện này gần đây được Tòa Án Liên Bang Úc cân nhắc trong vụ xử của *MIAC v Pham [2008] FCA 320*, mà tòa án đã phán:

...từ ‘giám đốc hoặc điều hợp viên của’ nhà tạm ẩn náu của phụ nữ hoặc dịch vụ tư vấn và trợ giúp trong trường hợp khủng hoảng hợp pháp [đòi hỏi] ‘người đáng tin đáng trọng’ phải giữ chức vụ quản trị đối với hoạt động và điều hành tổng quát của nhà tạm ẩn náu của phụ nữ hoặc dịch vụ tư vấn và trợ giúp trong trường hợp khủng hoảng trong vị thế một cơ quan.

## 9.5 Tờ khai danh dự nên có những chi tiết gì

### 9.5.1 Tờ khai danh dự của người nộp đơn xin thị thực (visa)

Tờ khai danh dự này phải là của người nộp đơn xin thị thực (visa), người này là người phối ngẫu hoặc người bạn đời đồng tính của nghi phạm (dù họ có được xác định là ‘nạn nhân trong cuộc’ hay không). Những yêu cầu đối với tờ khai danh dự của người nộp đơn xin thị thực (visa) thay đổi, tùy theo ai là người được xác định là ‘nạn nhân trong cuộc’ của DV/FV.

- **Nếu người phối ngẫu hoặc người bạn đời đồng tính là ‘nạn nhân trong cuộc’ của DV/FV**, tờ khai danh dự phải:
  - ⇒ liệt kê chi tiết cáo buộc của DV/ FV liên hệ (kể cả tác động của nó đối với ‘nạn nhân trong cuộc’); và
  - ⇒ tên của người bị cáo buộc đã gây ra DV/FV liên hệ; và
  - ⇒ nếu hành vi không trực tiếp nhằm vào ‘nạn nhân trong cuộc’ (trong trường hợp này là người làm tờ khai danh dự), cũng ghi tên người mà hành vi đó đã nhằm vào và xác định mối quan hệ giữa người làm tờ khai danh dự và người mà hành vi đó đã nhằm vào.
- **Nếu người phối ngẫu hoặc người bạn đời đồng tính không phải là ‘nạn nhân trong cuộc’**, người phối ngẫu hoặc người bạn đời đồng tính vẫn phải làm tờ khai danh dự, trong đó phải:
  - ⇒ ghi tên người mà hành vi đó nhằm vào (ví dụ nếu:
    - Mẫn là người phối ngẫu có thị thực (visa); và
    - Bằng là đứa con 10 tuổi của đời chồng trước; và
    - hành vi của người phối ngẫu đứng ra bảo lãnh của Mẫn nhằm vào Bằng, thì phải ghi tên của Bằng;
  - ⇒ xác định mối quan hệ giữa ‘nạn nhân trong cuộc’ và người mà hành vi đó đã nhằm vào (ví dụ như trong bối cảnh trên, tờ khai danh dự của Mẫn sẽ ghi đại khái là ‘Bằng là con ruột của tôi của đời chồng trước và là nạn nhân trong cuộc’);
  - ⇒ xác định mối quan hệ giữa người làm tờ khai danh dự (tức là người phối ngẫu/người bạn đời đồng tính) và người mà hành vi đó đã nhằm vào (ví dụ như trong bối cảnh trên, tờ khai danh dự của Mẫn sẽ ghi ‘đại khái’ ‘Bằng là con ruột của tôi của đời chồng trước’; và
  - ⇒ liệt kê bằng chứng dùng để cáo buộc vụ DV/FV liên hệ.

### 9.5.2 Tờ khai danh dự của ‘người đáng tin đáng trọng’

Nếu đương đơn nộp hai tờ khai danh dự của ‘người đáng tin đáng trọng’, mỗi tờ khai danh dự này phải là của người đáng tin đáng trọng thuộc diện khác nhau. Ví dụ, nếu hai nhân viên nhà trú ẩn làm hai tờ khai danh dự thì không được, nhưng một người là nhân viên nhà trú ẩn còn người kia là y tá thì được.

Nội dung tờ khai danh dự của ‘người đáng tin đáng trọng’ phải có:

- ý kiến của ‘người đáng tin đáng trọng’ là ‘nạn nhân trong cuộc’ trải qua vấn đề DV/FV Liên Hệ; và
- lý do để có ý kiến (thí dụ như người đáng tin đáng trọng có thể viện dẫn ví dụ của những vụ DV/FV mà nạn nhân đã kể cho họ biết; tình trạng tâm lý, thể chất hoặc



tình cảm của nạn nhân và điều này có khớp với phản ứng của những nạn nhân DV/FV không; kinh nghiệm của người đáng tin đáng trọng với những nạn nhân DV/FV Liên Hệ khác); và

- tên của nạn nhân; và
- tên của thủ phạm; và
- nếu hành vi của nghi phạm không rõ ràng trực tiếp nhằm vào ‘nạn nhân trong cuộc’ (thí dụ như nó nhằm vào một thành viên trong gia đình):
  - ⇒ tên của người mà hành vi của thủ phạm nhằm vào; và
  - ⇒ ghi mối quan hệ giữa ‘nạn nhân trong cuộc’ và người mà hành vi đó nhằm vào.

Người đáng tin đáng trọng cũng phải cho biết lý do họ có đủ tư cách để làm tờ khai danh dự này. Thông thường, người đáng tin đáng trọng nên đính kèm bản sao có thị thực bằng cấp của họ để làm bằng chứng cho năng lực của mình.

## 9.6 Mẫu đơn tờ khai danh dự (Form 1040)

Form 1040 là mẫu đơn của Bộ Di Trú được phổ biến tại [www.immi.gov.au](http://www.immi.gov.au) mà đương đơn và người đáng tin đáng trọng có thể sử dụng để làm tờ khai danh dự. Mẫu đơn này không phải là mẫu đơn chính thức theo luật định và quý vị không bắt buộc phải sử dụng nó. Tuy nhiên, sử dụng mẫu đơn này vẫn có ích bởi lẽ nó chỉ dẫn người làm tờ khai qua những điểm liên quan cần được trình bày.

## 9.7 Chứng từ của cảnh sát về vụ hành hung

Nếu vụ hành hung đã được trình báo với cảnh sát, chứng từ của cảnh sát có thể được sử dụng để cho một trong những tờ khai danh dự. Tờ khai của nạn nhân với cảnh sát không thể được sử dụng như là chứng từ của cảnh sát cho mục đích của điều khoản DV/FV.

## 10. Nếu DV/FV là sự thật

Nếu Bộ Di Trú chấp nhận là DV/FV đã xảy ra và đương đơn đáp ứng các yêu cầu về sức khỏe, hạnh kiểm và những tiêu chuẩn về quyền lợi của công chúng khác, đương đơn sẽ được cấp thị thực (visa) thường trực.

## 11. Nếu DV/FV không là sự thật

Dù Bộ Trưởng phải chấp nhận bằng chứng về DV/FV ‘đã được xác định về mặt tư pháp’ là bằng chứng đạt yêu cầu rằng DV/FV đã xảy ra, Bộ Trưởng không phải chấp nhận bằng chứng ‘không được xác định về mặt tư pháp’ (thí dụ như tờ khai danh dự, tờ cam kết chung hoặc chứng từ của cảnh sát) là bằng chứng để kết luận rằng DV/FV đã xảy ra.

Nếu Bộ Trưởng không yên trí là những bằng chứng được cung cấp chứng tỏ đúng mức rằng vấn đề DV/FV đã xảy ra, vụ việc này phải được gửi đến cơ quan khác để thẩm định độc lập – hiện thời trách nhiệm do Centrelink đảm trách.

### Những vụ đáng ngờ

Khi thẩm định liệu vấn đề DV/FV Liên Hệ có xảy ra hay không và liệu những lời cáo buộc có đáng ngờ hay không, Bộ Di Trú sẽ cân nhắc những điểm sau đây:

- thông tin trong những tờ khai danh dự có mơ hồ hay không rành mạch hay không;
- có bất cứ bằng chứng mâu thuẫn nào không, chẳng hạn như:
  - ⇒ những vụ xử bị tòa án bỏ không xét đến hoặc bị thua;
  - ⇒ những lời khai mâu thuẫn trong hay giữa những tờ khai danh dự;
  - ⇒ thông tin mâu thuẫn đã cung cấp trước đây hoặc do người thứ ba cung cấp;



- thời gian hai bên có quan hệ với nhau;
- thời gian từ lúc vấn đề bạo hành mà nạn nhân khai đã xảy ra cho đến lúc họ nộp đơn khai DV/FV;
- thông tin trong những tờ khai đầy đủ chi tiết hoặc có vẻ thiếu chi tiết hay không;
- người bảo lãnh có án lệnh của tòa đối với đương đơn diện DV/FV hay không.

Theo chính sách, việc Bộ Di Trú gửi vụ việc đến cơ quan khác để thẩm định độc lập đơn khai DV/FV Liên Hệ không được xác định về mặt tư pháp của phái nam làm là điều hợp lý, trừ khi có 'bằng chứng hùng hồn' cho thấy đơn khai là sự thật.

Để ngăn chặn người đưa ra quyết định có thể có bất cứ nghi ngờ nào, có thể quý vị nên nộp thêm bằng chứng bổ sung cho đơn khai, kể cả những báo cáo y khoa hay tâm lý.

## 12. Cuộc thẩm định độc lập vấn đề 'DV/FV Liên Hệ'

Theo quy định 1.23(1B)(b) trong Migration Regulations, nếu Bộ Trưởng không yên trí là vấn đề DV/FV Liên Hệ đã xảy ra, vụ việc này phải được chuyển đến 'chuyên gia độc lập' có đủ năng lực (hiện nay là Centrelink).

Nếu vụ việc được chuyển sang Centrelink, đương đơn sẽ được thông báo về việc này. Tất cả thông tin liên hệ đã được nộp cho Bộ Di Trú sẽ được chuyển cho Centrelink để giúp họ làm cuộc thẩm định. Bất cứ thông tin nào khác mà Centrelink muốn biết sẽ được dàn xếp trực tiếp giữa Centrelink và người nộp đơn xin thị thực (visa).

Cuộc thẩm định của Centrelink chỉ liên quan đến điểm khúc mắc là vấn đề DV/FV Liên Hệ có xảy ra hay không. Ý kiến của Centrelink là chung cuộc và có giá trị pháp lý. Do đó, nếu theo nhận định của Centrelink, vấn đề DV/FV Liên Hệ đã không xảy ra, nhân viên xét đơn phải chấp nhận quyết định này.

## 13. Những nơi để nhờ giúp đỡ?

### **ĐIỂM QUAN TRỌNG**

**Nạn nhân DV/FV nào không phải là thường trú nhân nên liên lạc với Bộ Di Trú ngay khi có thể được để thông báo cho Bộ Di Trú biết về việc hoàn cảnh của mình đã thay đổi (kể cả việc mối quan hệ chấm dứt, đổi địa chỉ và đã bị lâm vào cảnh DV/FV, con cái v.v.). Bước tiếp theo là nhờ người làm cố vấn về di trú và luật pháp tổng quát. Xin nhớ vấn đề an toàn luôn luôn là điều tối thượng. Mục đích của những chi tiết liên lạc dưới đây là để người đọc nhận ra những dịch vụ cần thiết nhất trong tình cảnh DV/FV có dính dáng đến di trú. Tuy nhiều dịch vụ được liệt kê dưới đây chỉ phục vụ người ở tiểu bang NSW thôi nhưng cũng có những dịch vụ khác. Muốn biết chi tiết dịch vụ luật pháp nằm ngoài tiểu bang NSW, xin người đọc liên lạc với National Association of Community Legal Centres (Hiệp Hội Toàn Quốc Các Trung Tâm Luật Pháp Cộng Đồng) qua số (02) 9264 9595,**

hoặc Legal Aid Commission (Ủy Hội Trợ Giúp Pháp Luật) gần nhà nhất.

## 13.1 Sự an toàn / nhà trú ẩn / trợ giúp về ngôn ngữ

### Dịch Vụ Cấp Cứu

#### Cảnh Sát, Xe Cứu Thương, Cứu Hỏa

Điện thoại: **000**

#### Nơi Trú Ẩn và Tạm Ẩn Náu

Gọi cho **đường dây trợ giúp về Vấn Đề Bạo Hành Trong Nhà** qua số **1800 656 463**. Họ sẽ có thể giúp quý vị liên lạc với nhà trú ẩn thích hợp nhất có chỗ trống cho tình cảnh của quý vị hoặc nhân viên lưu động sẽ làm cố vấn và trợ giúp cho quý vị.

### Trợ Giúp về Ngôn Ngữ

#### Dịch Vụ Thông Phiên Dịch

**13 14 50** - Nếu không nói thạo tiếng Anh và muốn nói chuyện với nhân viên tư vấn, xin quý vị gọi cho Dịch Vụ Thông Phiên Dịch và yêu cầu họ liên lạc với dịch vụ liên hệ giúp quý vị.

## 13.2 Trợ giúp miễn phí về luật di trú đối với vấn đề DV/FV

### Immigration Advice and Rights Centre Inc. (Trung Tâm Cố Vấn và Quyền Hạn về Di Trú)

Lầu 5, 362 Kent Street, Sydney

Điện thoại: **02 9262 3833** (đường dây cố vấn – Thứ Ba và Thứ Năm 2-4g chiều)

**02 9279 4300** (đường dây hành chánh)

Trang mạng: [www.iarc.asn.au](http://www.iarc.asn.au)

Cố vấn và trợ giúp về nhiều vấn đề luật Di Trú Úc, Quyền Công Dân và Người Tỵ Nạn, kể cả DV/FV. Làm cố vấn miễn phí qua điện thoại và trong một số trường hợp có thể ra tòa biện hộ.

### Legal Aid NSW (Cơ Quan Trợ Giúp Pháp Luật NSW)

Văn Phòng Chính, Tầng Trệt

323 Castlereagh Street

SYDNEY NSW 2000

ĐT: (02) **9219 5000** (xin được tiếp xúc với ban luật di trú)

Fax: (02) **9219 5935**

TTY: (02) **9219 5126**

Làm cố vấn về luật pháp và biện hộ miễn phí.

### Immigrant Women's Speakout (Tổ Chức 'Speakout' dành cho Phụ Nữ Di Dân)

Điện thoại: **02 9635 8022**

Làm cố vấn và trợ giúp phụ nữ di dân muốn sử dụng điều khoản DV/FV trong Luật di trú Úc.

### 13.3 Những trợ giúp luật pháp tổng quát (tức là những vấn đề luật pháp không liên quan đến di trú)

#### **Domestic Violence Advocacy Service**

##### **(Dịch Vụ Bênh Vực Nạn Nhân Bị Bạo Hành Trong Nhà)**

Đường Dây Cỗ Vắn Sydney: **(02) 8745 6999**

Đường Dây Điện Thoại Miễn Phí Vùng Nông Thôn: **1800 810 784**

TTY dành cho phụ nữ khiếm thính và thính lực sa sút: **1800 626 267**

Đường Dây Cỗ Vắn hoạt động

9g30 sáng - 12g30 chiều và

1g30 chiều - 4g30 chiều Thứ Hai, Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu.

Phụ nữ cần có thông dịch viên có thể liên lạc với Dịch Vụ Thông Dịch qua Điện Thoại qua số 131 450 và nhờ thông dịch viên gọi cho dịch vụ này qua số (02) 9749 7700. Họ sẽ nối đường dây của quý vị với một luật sư để quý vị được cố vấn về luật pháp.

#### **Trung Tâm Luật Pháp Cộng Đồng Tổng Quát**

Muốn tìm chi tiết của trung tâm luật pháp cộng đồng gần nhà nhất, xin quý vị gọi cho National Association of Community Legal Centres (Hiệp Hội Toàn Quốc Các Trung Tâm Luật Pháp Cộng Đồng) qua số **(02) 9264 9595**, hoặc xem danh bạ Các Trung Tâm Luật Pháp Cộng Đồng trên mạng internet tại [www.nacclc.org.au](http://www.nacclc.org.au)

#### **LawAccess NSW**

Hãy gọi đến đường dây trợ giúp luật pháp qua số **1300 888 529**

#### **Legal Aid NSW (Cơ Quan Trợ Giúp Pháp Luật NSW)**

Xin xem mục 13.2 ở trên

### 13.4 Đường Dây Điện Thoại Trợ Giúp Toàn Quốc

#### **Mensline Australia (Đường Dây Trợ Giúp Phái Nam của Úc)**

**Điện thoại: 1300 78 99 78** - Mensline Australia trợ giúp phái nam gặp khó khăn về gia đình và mối quan hệ, kể cả những quý ông muốn chấn chỉnh hành vi/thái độ có ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ của họ. Mensline Australia có dịch vụ trợ giúp, thông tin và giới thiệu giấu tên qua điện thoại dành cho phái nam và những người cảm thấy lo ngại cho phúc lợi của những người nam mà họ quen biết. Dịch vụ này hoạt động toàn quốc, 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần mà chỉ tốn cước gọi điện thoại địa phương.

#### **National Domestic Violence and Sexual Assault Helpline (Đường Dây Trợ Giúp Toàn Quốc Nạn Nhân Bị Bạo Hành Trong Nhà và Xâm Phạm Tính Dục)**

**1800 200 526** - Đây là đường dây thường trực miễn phí, hoạt động 24/24 và bảo đảm mọi câu chuyện nói với nhân viên tư vấn kinh nghiệm đều được giữ kín cho bất cứ ai bị lâm vào cảnh bạo hành.

#### **LifeLine (Đường Dây Trợ Giúp Trường Hợp Khủng Hoảng)**

**13 11 14**

[www.LifeLine.org.au](http://www.LifeLine.org.au)

### **LifeLine (Đường Dây Trợ Giúp Thiếu Nhi)**

1800 551 800 - Đối với thanh thiếu niên, Đường Dây Trợ Giúp Thiếu Nhi miễn phí hoạt động 24/24 có lẽ là dịch vụ thích hơn.

[www.kidshelp.com.au](http://www.kidshelp.com.au)

### **Relationships Australia (Dịch Vụ Hướng Dẫn Về Quan Hệ Vợ Chồng)**

**1300 364 277** - Relationships Australia vốn vẫn cung cấp dịch vụ tư vấn, hòa giải và những dịch vụ khác trên khắp nước Úc trong hơn 50 năm. Họ là tổ chức phi chính trị, bất vụ lợi và hoạt động trong cộng đồng.

## **13.5 Cơ Quan Chính Phủ**

**Bộ Di Trú và Quyền Công Dân** - người nộp đơn xin thị thực (visa) nên liên lạc với case officer (nhân viên phụ trách hồ sơ) ghi trong thư mới nhất của Bộ Di Trú. Cách khác là gọi số **131 881**, hoặc đích thân đến văn phòng Bộ Di Trú gần nhà nhất (địa chỉ của các văn phòng được liệt kê trên trang mạng của Bộ tại: [www.immi.gov.au](http://www.immi.gov.au))

**Centrelink** – (đường dây giải đáp thắc mắc về Crisis Payment (Trợ Cấp Túng Quẫn), điện thoại: **131 021**)

**Bộ Gia Đình, Gia Cư, Dịch Vụ Cộng Đồng và Thở Dân Sự Vụ** - (Đường Dây Trợ Giúp (Helpline) Miễn Phí: **1800 200 526**)



## Immigration Advice and Rights Centre Inc.

ABN: 45 808 320 822  
Community Legal Centre, established in 1986

Level 5, 362 Kent Street Sydney NSW 2000  
Ph: +61 2 9279 4300 (Admin Line, 9-5pm)  
+61 2 9262 3833 (Advice Line, Tues &  
Thurs 2-4pm)  
Fax: +61 2 9299 8467  
Email: [iarc@iarc.asn.au](mailto:iarc@iarc.asn.au)  
Web: [www.iarc.asn.au](http://www.iarc.asn.au)

## Cập Nhật Tháng Mười Một năm 2009

### Số Liệu Thống Kê/Số Liệu Chính

Theo Báo Cáo Thường Niên của Bộ Di Trú và Quyền Công Dân ('Bộ') 2008-9, số liệu thống kê liên quan đến các đơn DV/FV cho năm này cho thấy:

- Nhận được 708 đơn DV/FV trên toàn quốc (trong phạm vi di trú).
- Vào ngày 30 tháng Sáu năm 2009, DIAC chuyển 98 vụ sang Centrelink (để độc lập thẩm định đơn DV/FV), chiếm tỉ lệ dưới 15 phần trăm tổng số đơn DV/FV đã nộp.
- Tính tới ngày 30 tháng Sáu năm 2009, trong số 82 vụ đã được chuyển và được Centrelink giải quyết, kết quả có 45 vụ DV/FV được xác nhận đã xảy ra và 37 vụ DV/FV được xác nhận đã không xảy ra.
- Trong số 30 vụ khác do Tòa Tài Phán Tái Duyệt Di Trú gửi đến Centrelink, có 15 vụ DV/FV được xác nhận đã xảy ra và 9 vụ DV/FV được xác nhận đã không xảy ra.

Kể từ lúc phát hành Tập Sách này vào tháng Giêng năm 2009, luật di trú Úc đã có một số thay đổi quan trọng. Người sử dụng Tập Sách này nên biết là những thông tin sau đây không có ghi trong Tập Sách đã được in:

1. Kể từ 1 tháng Bảy năm 2009, những cặp phối ngẫu đồng tính được công nhận là người phối ngẫu không hôn thú cũng giống như người phối ngẫu khác phái tính – do đó, thị thực Phụ Thuộc Lẫn Nhau Subclass 110, 310, 814 và 826 nay đã xóa bỏ. Như vậy, người đứng đơn trong mối quan hệ đồng tính sẽ nộp đơn xin thị thực Subclass 820/801 hoặc 309/100 theo cùng cách thức (và phải hội đủ cùng các điều kiện) như mọi mối quan hệ không hôn thú khác.
2. Kể từ 1 tháng Bảy năm 2009, tất cả thị thực "Spouse" (Người Phối Ngẫu) giờ đây được gọi là thị thực "Partner" (Người Bạn Đời).
3. Kể từ 9 tháng Mười Một năm 2009, theo luật có đòi hỏi mới rằng mối quan hệ phối ngẫu phải còn đang tiếp diễn vào lúc xảy ra vấn đề DV/FV.
4. Kể từ 9 tháng Mười Một năm 2009, các điều khoản pháp định đã được cải tổ để một số các điều tra cứu liên quan đến những số của quy định nhất định có thể không còn đúng nữa, dù tác động của các điều khoản này vẫn không thay đổi (thí dụ định nghĩa của "bạo hành gia đình liên quan" đã được chuyển từ Reg 1.23 sang Reg 1.21 nhưng vẫn như định nghĩa cũ).